

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT BẮC NINH
PHÒNG ĐÀO TẠO, QLKH & HTQT

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ ĐƯỢC CẤP BẰNG CỬ NHÂN NĂM HỌC 2024 - 2025

TT	Khóa	Họ và tên	Ngày sinh	Giới Tinh	Nơi sinh	Điểm TBC TK	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số QĐ	Ngày QĐ	Số vào sổ	Ngày cấp	Ngành
1	ĐH 56	Lê Minh Công	29/11/2002	Nam	Lạng Sơn	2.83	Khá	TDB1001319	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.001	3/3/2025	GDTC
2	ĐH 56	Nguyễn Hoài Nam	12/09/2002	Nam	Nghệ An	2.95	Khá	TDB1001320	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.002	3/3/2025	GDTC
3	ĐH 56	Vì Hoài Nam	23/05/2002	Nam	Lai Châu	2.94	Khá	TDB1001321	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.003	3/3/2025	GDTC
4	ĐH 56	Lò Thanh Tùng	16/03/2002	Nam	Điện Biên	3.19	Khá	TDB1001322	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.004	3/3/2025	GDTC
5	ĐH 56	Bùi Vũ Dũng	27/04/2002	Nam	Hà Nội	2.71	Khá	TDB1001323	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.005	3/3/2025	GDTC
6	ĐH 56	Lê Quang Đạt	18/03/1998	Nam	Hà Nội	3.11	Khá	TDB1001324	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.006	3/3/2025	GDTC
7	ĐH 56	Nguyễn Trọng Hoàng	13/11/2002	Nam	Bắc Giang	3.01	Khá	TDB1001325	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.007	3/3/2025	GDTC
8	ĐH 56	Nguyễn Đình Anh Tài	28/02/2001	Nam	Nghệ An	2.85	Khá	TDB1001326	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.008	3/3/2025	GDTC
9	ĐH 56	Nguyễn Việt Hòa	10/04/2002	Nam	Hoà Bình	2.92	Khá	TDB1001327	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.009	3/3/2025	GDTC
10	ĐH 56	Nguyễn Thanh Luân	02/05/2002	Nam	Phú Thọ	2.84	Khá	TDB1001328	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.010	3/3/2025	GDTC
11	ĐH 56	Nguyễn Văn Thành	14/01/2001	Nam	Bắc Giang	3.30	Giỏi	TDB1001329	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.011	3/3/2025	GDTC
12	ĐH 56	Dương Hải Anh	26/11/2001	Nam	Hà Nội	3.34	Giỏi	TDB1001330	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.012	3/3/2025	GDTC
13	ĐH 56	Nguyễn Xuân Đức	15/11/2002	Nam	Hà Nội	3.37	Giỏi	TDB1001331	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.013	3/3/2025	GDTC
14	ĐH 56	Phạm Minh Hiếu	06/09/2002	Nam	Hưng Yên	3.07	Khá	TDB1001332	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.014	3/3/2025	GDTC
15	ĐH 56	Hà Đức Thắng	11/08/2002	Nam	Quảng Ninh	2.95	Khá	TDB1001333	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.015	3/3/2025	GDTC
16	ĐH 55	Trần Thái Đạt	10/11/2000	Nam	Thái Bình	3.06	Khá	TDB1001334	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH55.25.001	3/3/2025	GDTC
17	ĐH 55	Nguyễn Đức Toàn	13/11/2001	Nam	Thái Nguyên	3.06	Khá	TDB1001335	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH55.25.002	3/3/2025	GDTC
18	ĐH 55	Ngô Thế Hà	20/08/2001	Nam	Bắc Ninh	3.13	Khá	TDB1001336	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH55.25.003	3/3/2025	GDTC
19	ĐH 55	Chu Văn Quyền	08/01/2001	Nam	Hà Nội	2.91	Khá	TDB1001337	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH55.25.004	3/3/2025	GDTC
20	ĐH 55	Bùi Hồng Giang	02/10/2001	Nữ	Nam Định	2.66	Khá	TDB1001338	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH55.25.005	3/3/2025	GDTC
21	ĐH 55	Bùi Mạnh Chung	02/08/2001	Nam	Quảng Ninh	3.26	Giỏi	TDB1001339	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH55.25.006	3/3/2025	GDTC
22	ĐH 54	Đinh Minh Quyết	01/06/1999	Nam	Phú Thọ	2.84	Khá	TDB1001340	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH54.25.001	3/3/2025	GDTC
23	ĐH 54	Nguyễn Phúc Hưng	23/12/2000	Nam	Tiền Giang	2.79	Khá	TDB1001341	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH54.25.002	3/3/2025	GDTC
24	ĐH 54	Đặng Trần Đức Anh	07/12/2000	Nam	Hà Nội	2.99	Khá	TDB1001342	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH54.25.003	3/3/2025	GDTC
25	ĐH 54	Vũ Hương Quỳnh	04/06/2000	Nữ	Quảng Ninh	3.40	Giỏi	TDB1001343	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH54.25.004	3/3/2025	GDTC

TT	Khóa	Họ và tên	Ngày sinh	Giới Tính	Nơi sinh	Điểm TBC TK	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số QĐ	Ngày QĐ	Số vào sổ	Ngày cấp	Ngành
26	ĐH 53	Trần Đình Hùng	15/07/1997	Nam	Hà Nội	2.86	Khá	TDB1001344	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH53.25.001	3/3/2025	GDTC
27	ĐH 53	Lê Thế Vinh	12/07/1999	Nam	Bắc Giang	3.05	Khá	TDB1001345	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH53.25.002	3/3/2025	GDTC
28	ĐH 53	Lê Anh Tuyền	20/12/1999	Nam	Hà Nội	3.02	Khá	TDB1001346	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH53.25.003	3/3/2025	GDTC
29	ĐH 56	Nguyễn Thị Tuyết	24/03/1999	Nữ	Hải Dương	3.56	Giỏi	TDB1001347	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.016	3/3/2025	HLTT
30	ĐH 56	Nghiêm Viết Tuấn	18/12/2001	Nam	Hải Dương	2.93	Khá	TDB1001348	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.017	3/3/2025	HLTT
31	ĐH 56	Nguyễn Duy Anh	02/09/2001	Nam	Lai Châu	3.11	Khá	TDB1001349	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.018	3/3/2025	HLTT
32	ĐH 56	Lê Thành Nam	03/05/2002	Nam	Hà Nội	3.04	Khá	TDB1001350	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.019	3/3/2025	HLTT
33	ĐH 56	Hà Thị Vui	24/09/1999	Nữ	Thái Bình	3.54	Giỏi	TDB1001351	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.020	3/3/2025	HLTT
34	ĐH 56	Hoàng Bảo Long	01/05/2002	Nam	Quảng Ninh	3.13	Khá	TDB1001352	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.021	3/3/2025	HLTT
35	ĐH 56	Trần Thị Thúy Quỳnh	07/12/1998	Nữ	Phú Thọ	3.19	Khá	TDB1001353	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.022	3/3/2025	HLTT
36	ĐH 56	Đặng Thị Huyền Trang	07/06/2002	Nữ	Thái Bình	3.43	Giỏi	TDB1001354	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.023	3/3/2025	HLTT
37	ĐH 56	Hoàng Như Huyền	03/03/2001	Nữ	Tuyên Quang	3.36	Giỏi	TDB1001355	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.024	3/3/2025	HLTT
38	ĐH 56	Nguyễn Cảnh Tùng	27/05/2001	Nam	Hà Nội	2.86	Khá	TDB1001356	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.025	3/3/2025	HLTT
39	ĐH 56	Đào Đức Quý	11/09/2002	Nam	Hà Nội	3.03	Khá	TDB1001357	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH56.25.026	3/3/2025	HLTT
40	ĐH 55	Đoàn Bá Tuấn Anh	11/01/1995	Nam	Hải Dương	3.54	Giỏi	TDB1001358	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH55.25.007	3/3/2025	HLTT
41	ĐH 55	Kiều Bích Thủy	11/11/2001	Nữ	Hà Nội	3.32	Giỏi	TDB1001359	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH55.25.008	3/3/2025	HLTT
42	ĐH 55	Nguyễn Tất Lộc	03/08/1999	Nam	Nghệ An	3.26	Giỏi	TDB1001360	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH55.25.009	3/3/2025	HLTT
43	ĐH 54	Đinh Thùy Linh	11/09/2000	Nữ	Hoà Bình	2.84	Khá	TDB1001361	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH54.25.005	3/3/2025	HLTT
44	ĐH 53	Nguyễn Văn Kết	12/05/1999	Nam	Thanh Hóa	2.69	Khá	TDB1001362	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH53.25.004	3/3/2025	HLTT
45	ĐH 53	Lê Quang Hùng	18/07/1999	Nam	Vĩnh Phúc	2.96	Khá	TDB1001363	229/QĐ-TDTTBN	3/3/2025	ĐH53.25.005	3/3/2025	HLTT
46	ĐH 57	Nguyễn Vinh Phúc	12/12/2003	Nam	Hà Nội	3.10	Khá	TDB1001366	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.001	13/6/2025	GDTC
47	ĐH 57	Đoàn Mạnh Huy	07/09/2003	Nam	Tuyên Quang	3.26	Giỏi	TDB1001367	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.002	13/6/2025	GDTC
48	ĐH 57	Nguyễn Tuấn Đại	22/01/2003	Nam	Ninh Bình	2.98	Khá	TDB1001368	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.003	13/6/2025	GDTC
49	ĐH 57	Nguyễn Thiên Long	09/01/2003	Nam	Hải Dương	3.25	Giỏi	TDB1001369	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.004	13/6/2025	GDTC
50	ĐH 57	Nguyễn Xuân Diệu	01/09/2003	Nam	Hà Tĩnh	3.35	Giỏi	TDB1001370	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.005	13/6/2025	GDTC
51	ĐH 57	Lành Ngọc Duy	30/08/2003	Nam	Điện Biên	2.95	Khá	TDB1001371	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.006	13/6/2025	GDTC
52	ĐH 57	Quách Việt Hùng	17/06/2003	Nam	Hoà Bình	3.09	Khá	TDB1001372	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.007	13/6/2025	GDTC
53	ĐH 57	Lý Xê Lông	07/10/2003	Nam	Điện Biên	2.95	Khá	TDB1001373	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.008	13/6/2025	GDTC
54	ĐH 57	Phùng Đức Lương	18/04/2003	Nam	Yên Bái	3.33	Giỏi	TDB1001374	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.009	13/6/2025	GDTC

TT	Khóa	Họ và tên	Ngày sinh	Giới Tính	Nơi sinh	Điểm TBC TK	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số QĐ	Ngày QĐ	Số vào sổ	Ngày cấp	Ngành
55	ĐH 57	Poông Văn Lực	09/10/2003	Nam	Điện Biên	3.13	Khá	TDB1001375	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.010	13/6/2025	GDTC
56	ĐH 57	Nguyễn Quốc Hoài Nam	21/12/2002	Nam	Nghệ An	3.09	Khá	TDB1001376	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.011	13/6/2025	GDTC
57	ĐH 57	Phùng Doãn Nho	12/08/2003	Nam	Tuyên Quang	2.94	Khá	TDB1001377	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.012	13/6/2025	GDTC
58	ĐH 57	Bùi Minh Sáng	20/03/2003	Nam	Hoà Bình	3.07	Khá	TDB1001378	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.013	13/6/2025	GDTC
59	ĐH 57	Nguyễn Phương Thảo	10/02/2003	Nữ	Phú Thọ	3.45	Giỏi	TDB1001379	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.014	13/6/2025	GDTC
60	ĐH 57	Bùi Văn Tùng	19/05/2003	Nam	Hoà Bình	3.12	Khá	TDB1001380	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.015	13/6/2025	GDTC
61	ĐH 57	Xeo Văn Uyển	19/10/2003	Nam	Nghệ An	2.97	Khá	TDB1001381	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.016	13/6/2025	GDTC
62	ĐH 57	Lê Sỹ Sơn	14/10/2003	Nam	Nghệ An	2.94	Khá	TDB1001382	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.017	13/6/2025	GDTC
63	ĐH 57	Hoàng Khánh Duy	06/10/2001	Nam	Hà Nội	3.03	Khá	TDB1001383	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.018	13/6/2025	GDTC
64	ĐH 57	Phạm Minh Đức	23/06/2003	Nam	Hà Nội	3.30	Giỏi	TDB1001384	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.019	13/6/2025	GDTC
65	ĐH 57	Hoàng Minh Thiện	26/12/2003	Nam	Lạng Sơn	2.85	Khá	TDB1001385	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.020	13/6/2025	GDTC
66	ĐH 57	Đặng Anh Đức	25/01/2003	Nam	Thái Nguyên	3.20	Giỏi	TDB1001386	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.021	13/6/2025	GDTC
67	ĐH 57	Lưu Công Nhật Hào	10/03/2003	Nam	Nam Định	2.94	Khá	TDB1001387	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.022	13/6/2025	GDTC
68	ĐH 57	Triệu Tiến Hải	23/11/2003	Nam	Lai Châu	3.17	Khá	TDB1001388	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.023	13/6/2025	GDTC
69	ĐH 57	Hoàng Trung Hiếu	29/09/2003	Nam	Quảng Ninh	2.94	Khá	TDB1001389	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.024	13/6/2025	GDTC
70	ĐH 57	Hoàng Trung Kháng	04/11/2003	Nam	Yên Bái	2.93	Khá	TDB1001390	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.025	13/6/2025	GDTC
71	ĐH 57	Tổng Hoàng Minh	03/09/2003	Nam	Bắc Giang	3.40	Giỏi	TDB1001391	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.026	13/6/2025	GDTC
72	ĐH 57	Phạm Hồng Sơn	04/11/2003	Nam	Hải Dương	3.21	Giỏi	TDB1001392	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.027	13/6/2025	GDTC
73	ĐH 57	Nguyễn Duy Thái	17/12/2003	Nam	Bắc Ninh	3.09	Khá	TDB1001393	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.028	13/6/2025	GDTC
74	ĐH 57	Đặng Anh Tuấn	27/10/2003	Nam	Hà Nội	2.98	Khá	TDB1001394	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.029	13/6/2025	GDTC
75	ĐH 57	Bùi Quốc Việt	14/06/2003	Nam	Vĩnh Phúc	3.25	Giỏi	TDB1001395	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.030	13/6/2025	GDTC
76	ĐH 57	Nguyễn Thùy Giang	16/07/2003	Nữ	Bắc Ninh	2.89	Khá	TDB1001396	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.031	13/6/2025	GDTC
77	ĐH 57	Nguyễn Văn Phong	18/07/2003	Nam	Bắc Ninh	3.03	Khá	TDB1001397	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.032	13/6/2025	GDTC
78	ĐH 57	Ngô Duy Vũ	28/09/2003	Nam	Hà Nội	3.09	Khá	TDB1001398	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.033	13/6/2025	GDTC
79	ĐH 57	Trần Thanh Bình	03/11/2003	Nam	Hà Nội	3.28	Giỏi	TDB1001399	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.034	13/6/2025	GDTC
80	ĐH 57	Đặng Tuấn Phong	05/03/2003	Nam	Hà Nội	3.13	Khá	TDB1001400	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.035	13/6/2025	GDTC
81	ĐH 57	Nguyễn Quang Minh	11/12/2003	Nam	Nam Định	3.32	Giỏi	TDB1001401	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.036	13/6/2025	GDTC
82	ĐH 57	Nguyễn Duy Hùng	12/06/2003	Nam	Tuyên Quang	3.30	Giỏi	TDB1001402	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.037	13/6/2025	GDTC
83	ĐH 57	Trịnh Hồng Dương	02/09/2003	Nam	Bắc Ninh	3.81	Xuất sắc	TDB1001403	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.038	13/6/2025	GDTC

TT	Khóa	Họ và tên	Ngày sinh	Giới Tính	Nơi sinh	Điểm TBC TK	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số QĐ	Ngày QĐ	Số vào sổ	Ngày cấp	Ngành
84	ĐH 57	Đỗ Mạnh Quân	08/09/2003	Nam	Hà Nội	3.12	Khá	TDB1001404	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.039	13/6/2025	GDTC
85	ĐH 57	Tạ Văn Lực	01/04/2003	Nam	Hà Nội	3.06	Khá	TDB1001405	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.040	13/6/2025	GDTC
86	ĐH 57	Dương Công Duy	01/12/2003	Nam	Bắc Ninh	3.01	Khá	TDB1001406	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.041	13/6/2025	GDTC
87	ĐH 57	Trương Thị Thu Hiền	29/04/2003	Nữ	Ninh Bình	3.37	Giỏi	TDB1001407	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.042	13/6/2025	GDTC
88	ĐH 57	Trần Văn Nhân	24/01/2003	Nam	Vĩnh Phúc	3.03	Khá	TDB1001408	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.043	13/6/2025	GDTC
89	ĐH 57	Hoàng Minh Nghị	08/12/2003	Nam	Nam Định	3.19	Khá	TDB1001409	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.044	13/6/2025	GDTC
90	ĐH 57	Nguyễn Việt Anh	19/11/2003	Nam	Hà Nội	3.38	Giỏi	TDB1001410	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.045	13/6/2025	GDTC
91	ĐH 57	Lê Văn Hải	06/02/2003	Nam	Hà Nội	3.41	Giỏi	TDB1001412	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.046	13/6/2025	GDTC
92	ĐH 57	Tơ Đăng Minh	18/06/2003	Nam	Thái Nguyên	3.41	Giỏi	TDB1001413	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.047	13/6/2025	GDTC
93	ĐH 57	Hà Văn Diệp	16/12/2003	Nam	Thanh Hóa	3.42	Giỏi	TDB1001414	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.048	13/6/2025	GDTC
94	ĐH 57	Đỗ Văn Bằng	26/10/2003	Nam	Bắc Ninh	3.25	Giỏi	TDB1001415	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.049	13/6/2025	GDTC
95	ĐH 57	Vũ Đình Thuý	20/02/2003	Nam	Quảng Ninh	2.99	Khá	TDB1001416	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.050	13/6/2025	GDTC
96	ĐH 56	Trần Minh Hiếu	22/08/2002	Nam	Phú Thọ	2.98	Khá	TDB1001417	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH56.25.027	13/6/2025	GDTC
97	ĐH 56	Hoàng Tuấn Hùng	01/02/2002	Nam	Hà Giang	2.82	Khá	TDB1001418	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH56.25.028	13/6/2025	GDTC
98	ĐH 56	Đình Vũ Hoàng	16/08/2002	Nam	Phú Thọ	2.92	Khá	TDB1001419	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH56.25.029	13/6/2025	GDTC
99	ĐH 56	Hoàng Đăng Phúc	19/12/2002	Nam	Bắc Ninh	2.74	Khá	TDB1001420	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH56.25.030	13/6/2025	GDTC
100	ĐH 56	Nguyễn Văn Khánh	09/01/2002	Nam	Lào Cai	2.67	Khá	TDB1001421	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH56.25.031	13/6/2025	GDTC
101	ĐH 55	Nguyễn Đăng Quang	13/05/2001	Nam	Bắc Giang	2.89	Khá	TDB1001422	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH55.25.010	13/6/2025	GDTC
102	ĐH 55	Bùi Đoàn Hiếu Anh	17/02/2001	Nam	Hà Nội	3.05	Khá	TDB1001423	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH55.25.011	13/6/2025	GDTC
103	ĐH 54	Phạm Hoài Nam	08/07/2000	Nam	Hải Dương	3.21	Giỏi	TDB1001424	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH54.25.006	13/6/2025	GDTC
104	ĐH 54	Trần Đức Phúc	31/10/2000	Nam	Nam Định	2.78	Khá	TDB1001425	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH54.25.007	13/6/2025	GDTC
105	ĐH 57	Nguyễn Linh Chi	08/10/2000	Nữ	Hải Dương	3.53	Giỏi	TDB1001426	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.051	13/6/2025	HLTT
106	ĐH 57	Tạ Tiến Đạt	24/11/2000	Nam	Hải Phòng	3.37	Giỏi	TDB1001427	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.052	13/6/2025	HLTT
107	ĐH 57	Trịnh Văn Đức	26/05/1998	Nam	Hải Dương	3.49	Giỏi	TDB1001428	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.053	13/6/2025	HLTT
108	ĐH 57	Nguyễn Thủy Hiền	15/05/2002	Nữ	Hải Dương	3.60	Xuất sắc	TDB1001429	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.054	13/6/2025	HLTT
109	ĐH 57	Phạm Đức Lộc	09/12/1997	Nam	Hải Phòng	3.40	Giỏi	TDB1001430	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.055	13/6/2025	HLTT
110	ĐH 57	Nguyễn Tuấn Sơn	29/11/1999	Nam	Hải Dương	3.45	Giỏi	TDB1001431	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.056	13/6/2025	HLTT
111	ĐH 57	Phạm Quang Huy	31/07/1996	Nam	Hải Phòng	3.66	Xuất sắc	TDB1001432	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.057	13/6/2025	HLTT
112	ĐH 57	Từ Thị Nam	24/03/2001	Nữ	Thanh Hóa	3.55	Giỏi	TDB1001433	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.058	13/6/2025	HLTT

TT	Khóa	Họ và tên	Ngày sinh	Giới Tính	Nơi sinh	Điểm TBC TK	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số QĐ	Ngày QĐ	Số vào sổ	Ngày cấp	Ngành
113	ĐH 57	Ngô Văn Hậu	06/12/1988	Nam	Hải Phòng	3.69	Xuất sắc	TDB1001434	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.059	13/6/2025	HLTT
114	ĐH 57	Nguyễn Thị Thanh Nhi	20/02/2001	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.62	Xuất sắc	TDB1001435	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.060	13/6/2025	HLTT
115	ĐH 57	Nguyễn Thanh Nga	28/07/2003	Nữ	Bắc Giang	3.27	Giỏi	TDB1001436	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.061	13/6/2025	HLTT
116	ĐH 57	Nguyễn Ngọc Thắng	21/10/2003	Nam	Phú Thọ	3.25	Giỏi	TDB1001437	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.062	13/6/2025	HLTT
117	ĐH 57	Nguyễn Duy Bình	22/08/2003	Nam	Hà Nội	3.19	Khá	TDB1001438	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.063	13/6/2025	HLTT
118	ĐH 57	Nguyễn Hữu Quân	15/01/2003	Nam	Phú Thọ	3.23	Giỏi	TDB1001439	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.064	13/6/2025	HLTT
119	ĐH 57	Phạm Quỳnh Chi	16/09/2003	Nữ	Nam Định	3.21	Giỏi	TDB1001440	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.065	13/6/2025	HLTT
120	ĐH 57	Hà Minh Hiếu	17/04/2003	Nam	Phú Thọ	3.02	Khá	TDB1001441	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.066	13/6/2025	HLTT
121	ĐH 57	Nguyễn Tuấn Quang	18/12/1998	Nam	Ninh Bình	3.31	Giỏi	TDB1001442	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.067	13/6/2025	HLTT
122	ĐH 57	Dương Văn Ngời	15/10/1998	Nam	Thái Nguyên	3.45	Giỏi	TDB1001443	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.068	13/6/2025	HLTT
123	ĐH 57	Tạ Minh Đắc Uynh	25/05/2002	Nam	Bạc Liêu	3.42	Giỏi	TDB1001444	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.069	13/6/2025	HLTT
124	ĐH 57	Diệp Thị Hương	01/03/2003	Nữ	Vĩnh Phúc	3.65	Xuất sắc	TDB1001445	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.070	13/6/2025	HLTT
125	ĐH 57	Nguyễn Thị Hương	21/10/2001	Nữ	Vĩnh Phúc	3.69	Xuất sắc	TDB1001446	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.071	13/6/2025	HLTT
126	ĐH 57	Phạm Thị Thu	05/09/2002	Nữ	Hải Dương	3.55	Giỏi	TDB1001447	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.072	13/6/2025	HLTT
127	ĐH 57	Nguyễn Thị Ngọc Chi	14/05/1999	Nữ	Quảng Ninh	3.23	Giỏi	TDB1001448	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.073	13/6/2025	HLTT
128	ĐH 57	Nguyễn Tuấn Anh	08/05/2003	Nam	Vĩnh Phúc	2.97	Khá	TDB1001449	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.074	13/6/2025	HLTT
129	ĐH 57	Nguyễn Xuân Bách	18/02/2003	Nam	Ninh Bình	3.05	Khá	TDB1001450	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.075	13/6/2025	HLTT
130	ĐH 57	Đoàn Trung Đông	06/09/2003	Nam	Phú Thọ	3.38	Giỏi	TDB1001451	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.076	13/6/2025	HLTT
131	ĐH 57	Nguyễn Tiến Hiên	21/10/2003	Nam	Hà Nội	3.01	Khá	TDB1001452	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.077	13/6/2025	HLTT
132	ĐH 57	Phan Thị Thu Huyền	23/05/2003	Nữ	Sơn La	3.39	Giỏi	TDB1001453	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.078	13/6/2025	HLTT
133	ĐH 57	Bùi Duy Tân	26/05/2003	Nam	Thanh Hóa	3.25	Giỏi	TDB1001454	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.079	13/6/2025	HLTT
134	ĐH 57	Đường Anh Đức	02/10/2003	Nam	Hoà Bình	3.12	Khá	TDB1001455	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.080	13/6/2025	HLTT
135	ĐH 57	Nguyễn Trung Hiếu	05/10/2003	Nam	Phú Thọ	3.04	Khá	TDB1001456	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.081	13/6/2025	HLTT
136	ĐH 57	Đặng Tuấn Kiệt	10/09/2003	Nam	Hà Nội	2.76	Khá	TDB1001457	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.082	13/6/2025	HLTT
137	ĐH 57	Vũ Ngọc Phong	16/09/2003	Nam	Hải Phòng	3.22	Giỏi	TDB1001458	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.083	13/6/2025	HLTT
138	ĐH 57	Bùi Văn Thắng	16/10/2002	Nam	Hà Nội	2.75	Khá	TDB1001459	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.084	13/6/2025	HLTT
139	ĐH 57	Lê Trung Hiếu	29/10/2001	Nam	Hà Giang	3.11	Khá	TDB1001460	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.085	13/6/2025	HLTT
140	ĐH 57	Phạm Minh Hiếu	21/10/2002	Nam	Hà Nam	2.91	Khá	TDB1001461	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.086	13/6/2025	HLTT
141	ĐH 57	Bùi Văn Lập	23/03/2003	Nam	Hà Nội	2.94	Khá	TDB1001462	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.087	13/6/2025	HLTT

TT	Khóa	Họ và tên	Ngày sinh	Giới Tính	Nơi sinh	Điểm TBC TK	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số QĐ	Ngày QĐ	Số vào sổ	Ngày cấp	Ngành
142	ĐH 57	Hoàng Thành Đạt	02/10/2002	Nam	Hà Nội	2.95	Khá	TDB1001463	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.088	13/6/2025	HLTT
143	ĐH 57	Trịnh Việt Hùng	14/03/2003	Nam	Quảng Ninh	3.01	Khá	TDB1001464	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.089	13/6/2025	HLTT
144	ĐH 57	Phạm Tiến Lộc	13/10/2003	Nam	Thái Bình	3.03	Khá	TDB1001465	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.090	13/6/2025	HLTT
145	ĐH 57	Đặng Quốc Minh	05/04/2003	Nam	Hà Nam	3.58	Giỏi	TDB1001466	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.091	13/6/2025	HLTT
146	ĐH 57	Đỗ Xuân Nam	07/05/2003	Nam	Hoà Bình	2.97	Khá	TDB1001467	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.092	13/6/2025	HLTT
147	ĐH 57	Lê Thành Nhuệ	06/10/2003	Nam	Hà Nội	2.95	Khá	TDB1001468	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.093	13/6/2025	HLTT
148	ĐH 57	Phan Hồng Phúc	27/08/2003	Nam	Hà Nội	3.26	Giỏi	TDB1001469	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.094	13/6/2025	HLTT
149	ĐH 57	Vy Đức Huân	22/03/2003	Nam	Thái Nguyên	2.96	Khá	TDB1001470	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.095	13/6/2025	HLTT
150	ĐH 57	Nông Văn Thuận	15/06/2003	Nam	Lạng Sơn	2.94	Khá	TDB1001471	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.096	13/6/2025	HLTT
151	ĐH 57	Nguyễn Hoàng Phúc	24/09/2003	Nam	Thanh Hóa	3.24	Giỏi	TDB1001472	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.097	13/6/2025	HLTT
152	ĐH 57	Bạch Thu Hiền	23/07/1998	Nữ	Hà Nội	3.38	Giỏi	TDB1001473	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.098	13/6/2025	HLTT
153	ĐH 57	Trương Văn Huy	17/06/1999	Nam	Hà Nội	3.38	Giỏi	TDB1001474	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.099	13/6/2025	HLTT
154	ĐH 57	Vũ Quang Huy	28/07/2003	Nam	Thái Nguyên	3.27	Giỏi	TDB1001475	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.100	13/6/2025	HLTT
155	ĐH 57	Triệu Quang Huy	05/06/2002	Nam	Hà Nội	3.24	Giỏi	TDB1001476	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.101	13/6/2025	HLTT
156	ĐH 57	Bùi Nhật Hưng	01/08/1998	Nam	Hà Nội	3.08	Khá	TDB1001477	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.102	13/6/2025	HLTT
157	ĐH 57	Vũ Nguyễn Mỹ Hạnh	07/04/1999	Nữ	Quảng Ninh	3.62	Xuất sắc	TDB1001478	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.103	13/6/2025	HLTT
158	ĐH 57	Trương Quốc Anh	20/02/2003	Nam	Hà Nội	3.02	Khá	TDB1001479	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.104	13/6/2025	HLTT
159	ĐH 57	Nguyễn Đức Long	20/05/2003	Nam	Hà Nội	3.05	Khá	TDB1001480	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.105	13/6/2025	HLTT
160	ĐH 57	Nguyễn Ngọc Thiên Quang	17/04/2003	Nam	Ninh Bình	3.40	Giỏi	TDB1001481	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.106	13/6/2025	HLTT
161	ĐH 57	Bùi Hoàng Nam	25/03/2003	Nam	Hà Nội	3.00	Khá	TDB1001482	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.107	13/6/2025	HLTT
162	ĐH 57	Hoàng Quang Minh	13/09/1997	Nam	Hà Nội	3.62	Xuất sắc	TDB1001483	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.108	13/6/2025	HLTT
163	ĐH 57	Hoàng Phi Hùng	01/09/2003	Nam	Hà Nội	3.46	Giỏi	TDB1001484	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.109	13/6/2025	HLTT
164	ĐH 57	Nguyễn Đức Toàn	30/03/2003	Nam	Hoà Bình	3.38	Giỏi	TDB1001485	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.110	13/6/2025	HLTT
165	ĐH 57	Vũ Văn Dương	26/09/1992	Nam	Hưng Yên	3.28	Giỏi	TDB1001486	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.111	13/6/2025	HLTT
166	ĐH 57	Vũ Thị Hải	15/07/2003	Nữ	Quảng Ninh	3.32	Giỏi	TDB1001487	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.112	13/6/2025	HLTT
167	ĐH 57	Bùi Anh Tuấn	17/07/2001	Nam	Hoà Bình	3.30	Giỏi	TDB1001488	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.113	13/6/2025	HLTT
168	ĐH 57	Trần Công Việt Anh	31/10/2003	Nam	Thanh Hóa	3.08	Khá	TDB1001489	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.114	13/6/2025	HLTT
169	ĐH 57	Vũ Thanh Thảo My	11/08/2003	Nữ	Hải Phòng	3.46	Giỏi	TDB1001490	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.115	13/6/2025	HLTT
170	ĐH 57	Nguyễn Minh Quang	27/09/1997	Nam	Hà Nội	3.50	Giỏi	TDB1001491	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.116	13/6/2025	HLTT

TT	Khóa	Họ và tên	Ngày sinh	Giới Tính	Nơi sinh	Điểm TBC TK	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số QĐ	Ngày QĐ	Số vào sổ	Ngày cấp	Ngành
171	ĐH 57	Đỗ Văn Hải	29/01/2002	Nam	Bắc Giang	3.23	Giỏi	TDB1001492	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.117	13/6/2025	HLTT
172	ĐH 57	Lý Thị Na	26/02/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.45	Giỏi	TDB1001493	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.118	13/6/2025	HLTT
173	ĐH 57	Lê Thị Thuý	25/03/2002	Nữ	Thanh Hóa	3.29	Giỏi	TDB1001494	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.119	13/6/2025	HLTT
174	ĐH 57	Nguyễn Thị Khảm	11/11/2000	Nữ	Tuyên Quang	3.71	Xuất sắc	TDB1001495	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.120	13/6/2025	HLTT
175	ĐH 57	Ma Thị Thương	13/10/2001	Nữ	Tuyên Quang	3.61	Xuất sắc	TDB1001496	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.121	13/6/2025	HLTT
176	ĐH 57	Đồng Thị Mỹ Tươi	02/09/2003	Nữ	Bắc Giang	3.00	Khá	TDB1001497	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.122	13/6/2025	HLTT
177	ĐH 57	Vì Quang Thắng	14/06/2003	Nam	Nghệ An	3.13	Khá	TDB1001498	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.123	13/6/2025	HLTT
178	ĐH 57	Nguyễn Xuân Thập	25/04/2003	Nam	Bắc Ninh	3.40	Giỏi	TDB1001499	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.124	13/6/2025	HLTT
179	ĐH 57	Nguyễn Văn Quân	06/07/1990	Nam	Hà Nội	3.42	Giỏi	TDB1001500	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.125	13/6/2025	HLTT
180	ĐH 57	Đỗ Thị Hoài Uyên	16/08/1998	Nữ	Hà Nội	3.30	Giỏi	TDB1001501	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.126	13/6/2025	HLTT
181	ĐH 57	Nguyễn Diệu Loan	17/07/2003	Nữ	Vĩnh Phúc	2.98	Khá	TDB1001502	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.127	13/6/2025	HLTT
182	ĐH 57	Trương Trọng Quyển	09/12/2003	Nam	Hà Nam	3.10	Khá	TDB1001503	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.128	13/6/2025	HLTT
183	ĐH 57	Nguyễn Thị Hương Thảo	27/09/2003	Nữ	Thái Bình	3.34	Giỏi	TDB1001504	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.129	13/6/2025	HLTT
184	ĐH 57	Nguyễn Thị Thu Phương	09/12/1998	Nữ	Hà Nội	3.61	Xuất sắc	TDB1001505	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.130	13/6/2025	HLTT
185	ĐH 57	Lê Hồng Anh	08/12/2003	Nam	Hà Nội	2.73	Khá	TDB1001506	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.131	13/6/2025	HLTT
186	ĐH 57	Nguyễn Thế Quân	02/12/2003	Nam	Thái Bình	2.94	Khá	TDB1001507	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.132	13/6/2025	HLTT
187	ĐH 57	Nguyễn Lê Minh Tâm	25/09/2003	Nam	Hà Nội	2.78	Khá	TDB1001508	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.133	13/6/2025	HLTT
188	ĐH 57	Trịnh Thắm Thái Hà	27/04/2002	Nữ	Hà Nội	3.21	Giỏi	TDB1001509	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.134	13/6/2025	HLTT
189	ĐH 57	Nguyễn Thị Ngải	21/03/2002	Nữ	Hà Nội	3.53	Giỏi	TDB1001510	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.135	13/6/2025	HLTT
190	ĐH 57	Nguyễn Thị Phượng	23/04/2002	Nữ	Thái Bình	3.61	Xuất sắc	TDB1001511	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.136	13/6/2025	HLTT
191	ĐH 57	Nguyễn Thị Thùy Trang	21/01/2002	Nữ	Hà Nội	3.50	Giỏi	TDB1001512	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.137	13/6/2025	HLTT
192	ĐH 57	Bùi Minh Hiếu	01/05/2003	Nam	Quảng Ninh	3.33	Giỏi	TDB1001513	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.138	13/6/2025	HLTT
193	ĐH 57	Nguyễn Thị Hương	03/10/2001	Nữ	Ninh Bình	3.40	Giỏi	TDB1001514	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.139	13/6/2025	HLTT
194	ĐH 57	Khổng Duy Khánh	10/07/2003	Nam	Tuyên Quang	3.07	Khá	TDB1001515	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.140	13/6/2025	HLTT
195	ĐH 57	Dương Thị Hoài Thương	30/08/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.23	Giỏi	TDB1001516	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.141	13/6/2025	HLTT
196	ĐH 57	Dương Thị Thanh Bình	24/03/2003	Nữ	Thái Nguyên	3.32	Giỏi	TDB1001517	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.142	13/6/2025	HLTT
197	ĐH 56	Phùng Ngọc My	03/04/2002	Nữ	Hải Phòng	3.31	Giỏi	TDB1001518	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH56.25.032	13/6/2025	HLTT
198	ĐH 56	Bùi Quang Trung	11/03/2002	Nam	Hà Nội	2.82	Khá	TDB1001519	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH56.25.033	13/6/2025	HLTT
199	ĐH 56	Vũ Văn Tuấn	03/11/2002	Nam	Quảng Ninh	3.51	Giỏi	TDB1001520	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH56.25.034	13/6/2025	HLTT

TT	Khóa	Họ và tên	Ngày sinh	Giới Tính	Nơi sinh	Điểm TBC TK	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số QĐ	Ngày QĐ	Số vào sổ	Ngày cấp	Ngành
200	ĐH 56	Kiều Duy Quân	15/09/2002	Nam	Hà Nội	3.23	Giỏi	TDB1001521	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH56.25.035	13/6/2025	HLTT
201	ĐH 56	Nguyễn Đức Tâm	04/04/2002	Nam	Bắc Ninh	3.27	Giỏi	TDB1001522	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH56.25.036	13/6/2025	HLTT
202	ĐH 56	Triệu Thị Phương Thủy	17/06/2000	Nữ	Phú Thọ	3.35	Giỏi	TDB1001523	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH56.25.037	13/6/2025	HLTT
203	ĐH 55	Hoàng Thị Thu Thảo	31/07/2000	Nữ	Lâm Đồng	3.43	Giỏi	TDB1001524	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH55.25.012	13/6/2025	HLTT
204	ĐH 55	Lê Phương Thúy	27/11/2000	Nữ	Thanh Hóa	3.40	Giỏi	TDB1001525	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH55.25.013	13/6/2025	HLTT
205	ĐH 55	Vũ Thị Vân Anh	15/08/2000	Nữ	Thanh Hóa	3.38	Giỏi	TDB1001526	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH55.25.014	13/6/2025	HLTT
206	ĐH 55	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	03/10/1999	Nữ	Thanh Hóa	3.52	Giỏi	TDB1001527	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH55.25.015	13/6/2025	HLTT
207	ĐH 55	Lê Thị Vân	01/02/2001	Nữ	Thanh Hóa	3.46	Giỏi	TDB1001528	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH55.25.016	13/6/2025	HLTT
208	ĐH 55	Nguyễn Thị Mai Anh	04/02/1999	Nữ	Hà Nội	3.31	Giỏi	TDB1001529	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH55.25.017	13/6/2025	HLTT
209	ĐH 54	Nguyễn Trung Kiên	24/01/1997	Nam	Hà Nội	3.35	Giỏi	TDB1001530	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH54.25.006	13/6/2025	HLTT
210	ĐH 53	Bùi Văn Hải	23/01/1984	Nam	Bắc Ninh	3.41	Giỏi	TDB1001531	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH53.25.006	13/6/2025	HLTT
211	ĐH 53	Đào Thị Hồng Nhung	14/06/1999	Nữ	Hải Phòng	3.01	Khá	TDB1001532	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH53.25.007	13/6/2025	HLTT
212	ĐH 53	Nguyễn Phúc Lộc	16/12/1998	Nam	Hà Nội	2.97	Khá	TDB1001533	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH53.25.008	13/6/2025	HLTT
213	ĐH 57	Nguyễn Tuấn Hiệp	06/12/2003	Nam	Hà Nội	2.95	Khá	TDB1001534	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.143	13/6/2025	QL TDTT
214	ĐH 57	Nguyễn Khánh Ly	22/12/2003	Nữ	Vĩnh Phúc	3.43	Giỏi	TDB1001535	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.144	13/6/2025	QL TDTT
215	ĐH 57	Lê Tuấn Ngọc	17/06/2003	Nam	Hà Nội	3.08	Khá	TDB1001536	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.145	13/6/2025	QL TDTT
216	ĐH 57	Nguyễn Hòa Giang	23/09/2003	Nam	Quảng Ninh	3.48	Giỏi	TDB1001537	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.146	13/6/2025	YSH TDTT
217	ĐH 57	Nguyễn Xuân Nam	25/08/2003	Nam	Hà Nội	3.30	Giỏi	TDB1001538	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.147	13/6/2025	YSH TDTT
218	ĐH 57	SAYSYPHUN KITAR	23/04/2002	Nam	CHDCNH Lào	3.36	Giỏi	TDB1001539	1101/QĐ-TDTTBN	13/6/2025	ĐH57.25.148	13/6/2025	YSH TDTT

DUYỆT BAN GIÁM HIỆU

(Đã ký)

PGS. TS Đỗ Hữu Trường

PHÒNG ĐÀO TẠO, QLKH & HTQT

(Đã ký)

TS. Trần Trung

CÁN BỘ TỔNG HỢP

(Đã ký)

ThS. Đào Hồng Hà